TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: **493**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 12/9/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

- *Các Hội thẩm nhân nhân dân*:

1. Ông **Ngô Minh Ngọc**.

2. Ông **Trương Hoàng Hoa.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa*: Ông **Phạm Minh Thanh-** kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 238/2019/TLST-HN ngày 25 tháng 04 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2019/QĐST-HN ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2019/QĐST-HN ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: **Dương Thị C**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện N, Tiền Giang.

Tạm trú: 62/33/2A đường số 4, phường G, Quận H, TP Hồ Chí Minh.

* **Bị đơn**: **Lê Việt D**, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện N, Tiền Giang.

NHẬN THẤY:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Dương Thị C trình bày: Chị và anh D cưới nhau vào năm 2015 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 19/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không sống chung thời

gian dài nên không còn tình cảm. Chị C và anh D sống ly thân từ 01/02/2017 cho đến nay. Nay chị C thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Dương L, sinh ngày 14/12/2015 hiện đang sống với chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Lê Việt D từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn anh D. Về con chung: chị C yêu cầu được nuôi cháu Lê Dương L sinh ngày 14/12/2015, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: chị C trình bày không có.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Dương Thị C về việc tranh chấp ly hôn với anh Lê Việt D có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện N, Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 36 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh D xác lập hôn nhân cưới nhau vào năm 2015 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 19/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không sống chung thời gian dài nên không còn tình cảm. Chị C và anh D sống ly thân tháng 02/2017 cho đến nay. Nay chị C thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh D. Xét thấy, anh D và chị C từ lúc phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa chị C xác nhận không còn tình cảm với anh D nên mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu ly hôn của chị C là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Dương L, sinh ngày 14/12/2015 hiện đang sống với chị C. Xét thấy, cháu L còn nhỏ, đang có cuộc sống ổn định với

chị C và để đảm bảo quyền lợi ích của con chung nên cần thiết Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu L cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc.

Ghi nhận việc chị Dương Thị C không yêu cầu anh Lê Việt D cấp dưỡng nuôi con.

Anh D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[4]Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; xét thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị C đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C; tại phiên tòa, chị C yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; trình bày về tài sản chung, nợ chung không có. Yêu cầu của chị C về các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoàn Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử*:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị Dương Thị C.

1/ Về hôn nhân: Chị Dương Thị C được ly hôn với anh Lê Việt D.

2/ Về con chung: Giao cho chị Dương Thị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Lê Dương L, sinh ngày 14/12/2015.

Ghi nhận việc chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung Anh Lê Việt D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Chị Dương Thị C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0015962 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nên chị đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Anh Lê Việt D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xãB;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

Nguyễn Thị Ánh Hồng